

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số

Căn cứ Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số và Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Công văn số 8308/VPCP-KTTH ngày 04/10/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành cơ chế tài chính đặc thù đối với hoạt động kinh doanh xổ số;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

2. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm thực hiện chế độ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định tại Thông tư này. Trường hợp có sự khác biệt thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm chủ sở hữu (sau đây gọi tắt là công ty xổ số kiến thiết).
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số điện toán Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty xổ số điện toán Việt Nam).
3. Chủ sở hữu doanh nghiệp kinh doanh xổ số, cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xổ số.
4. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Doanh nghiệp kinh doanh xổ số” bao gồm các công ty xổ số kiến thiết và Công ty xổ số điện toán Việt Nam.
2. “Vé xổ số truyền thống phát hành theo cơ chế liên kết” là loại vé xổ số do các công ty xổ số kiến thiết trong cùng khu vực phát hành chung một bộ vé xổ số trong toàn địa bàn khu vực với cơ cấu giải thưởng thống nhất, tổ chức quay số mở thưởng chung và toàn bộ chi phí giải thưởng, chi phí in vé xổ số được phân bổ giữa các công ty xổ số kiến thiết theo Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực được Bộ Tài chính phê duyệt.
3. “Hoa hồng đại lý” là số tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị vé xổ số đã bán.
4. “Doanh thu có thuế” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu có thuế để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
5. “Doanh thu chưa có thuế” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu chưa có thuế để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
6. “Doanh thu thực tế” là doanh thu có thuế thực tế phát sinh tại địa bàn của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Doanh thu thực tế để làm cơ sở phân bổ nguồn thu ngân sách từ hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán theo quy định tại Thông tư này.
7. “Chi phí giải thưởng tích lũy” là chi phí phải trả của Công ty xổ số điện toán Việt Nam tương ứng với giá trị giải thưởng tích lũy của sản phẩm xổ số tự chọn số điện toán theo quy định tại Thể lệ trò chơi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có người trúng thưởng.

Chương II **QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN**

Điều 4. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là mức vốn cần thiết được chủ sở hữu cam kết đầu tư để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số và được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

2. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có nhu cầu tăng vốn điều lệ sẽ căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và nguồn bổ sung vốn điều lệ, xây dựng phương án trình chủ sở hữu xem xét phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Phương pháp, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Khi xác định nhu cầu vốn điều lệ cần tăng thêm để phục vụ hoạt động kinh doanh xổ số thì ngoài các dự án đầu tư phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính số vốn cần thiết để sử dụng trả thưởng cho khách hàng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số không được giảm vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 5. Huy động vốn

1. Hình thức huy động vốn, nguyên tắc huy động vốn và thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn của doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện theo cơ chế huy động vốn của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và không được làm thay đổi hình thức sở hữu.

2. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được phép huy động vốn để đầu tư cho hoạt động kinh doanh xổ số và ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

Điều 6. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số. Việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật trên cơ sở chấp thuận của chủ sở hữu.

2. Nguyên tắc, hình thức, giới hạn đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp và thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 7. Quản lý sử dụng vốn và tài sản

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn và tài sản do chủ sở hữu đầu tư và các nguồn vốn hoạt động hợp pháp khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.

2. Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, quản lý hàng hoá tồn kho, quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, chênh lệch tỷ giá, kiểm kê, đánh giá lại tài sản của doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**Chương III
QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ****Điều 8. Doanh thu**

Doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm:

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số;
2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép;
3. Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu phát sinh được xác định theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

4. Thu nhập khác bao gồm:

- a) Thu nhập khác được xác định theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- b) Thu nhập từ việc hoàn nhập giá trị các giải thưởng tích lũy của các sản phẩm xổ số tự chọn số điện toán không có người trúng thưởng tại thời điểm kết thúc thời hạn lĩnh thưởng theo quy định tại Thẻ lệ trò chơi đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép: là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính: hạch toán vào doanh thu khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

4. Thu nhập khác: hạch toán vào doanh thu khi có bằng chứng khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Điều 10. Chi phí

Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù sau:

1. Chi phí trả thưởng:

a) Đối với các loại hình xổ số truyền thống, lô tô thủ công và xổ số biết kết quả ngay: Chi phí trả thưởng là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với loại hình xổ số truyền thống phát hành theo cơ chế liên kết phát hành, chi phí trả thưởng bao gồm:

- Chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán cho các vé xổ số trúng thưởng thuộc trách nhiệm tự chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực;

- Chi phí trả thưởng thực tế đã chi trả được phân bổ cho doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo tỷ lệ phân bổ đối với các vé xổ số trúng thưởng thuộc trách nhiệm chi trả chung của Hội đồng được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.

b) Đối với loại hình xổ số tự chọn số điện toán: Chi phí trả thưởng là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng và giá trị của các giải thưởng tích lũy được chuyển sang kỳ quay số mở thưởng tiếp theo được quy định tại Thể lệ trò chơi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số:

a) Mức chi hoa hồng đại lý cụ thể do doanh nghiệp kinh doanh xổ số quyết định trong từng thời kỳ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 15% doanh thu bán vé xổ số có thuế của doanh nghiệp (giá trị vé xổ số đã bán). Mức chi hoa hồng đại lý được ghi cụ thể tại hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đại lý xổ số;

b) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng đại lý với doanh nghiệp kinh doanh xổ số;

c) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số trước khi thanh toán tiền cho đại lý xổ số theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

3. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng:

a) Mức phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số tối đa không quá 0,2% tổng giá trị giải thưởng mà đại lý xổ số đã thanh toán theo ủy quyền;

b) Căn cứ chi là hợp đồng đại lý đã ký giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đại lý xổ số, trong đó phải có điều khoản quy định về việc ủy quyền trả thưởng và các chứng từ khác chứng minh đại lý xổ số đã thanh toán giải thưởng cho khách hàng;

c) Đại lý xổ số được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

4. Chi phí quay số mở thưởng và chi cho công tác giám sát của Hội đồng giám sát xổ số:

a) Chi phí quay số mở thưởng gồm chi phí thuê hội trường và các khoản chi phí khác mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng;

Riêng đối với trường hợp phát hành vé xổ số truyền thống theo cơ chế liên kết phát hành, các doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện quay số mở thưởng chung, chi phí quay số mở thưởng của từng doanh nghiệp được phân bổ theo tỷ lệ doanh số vé xổ số nhận bán của từng doanh nghiệp so với tổng doanh số phát hành của khu vực trong kỳ. Việc xác định chi phí cụ thể được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.

b) Chi chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số được tính theo định mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức theo chế độ quy định do chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính và doanh nghiệp kinh doanh xổ số. Định mức thù lao được xác định theo nguyên tắc phù hợp với nội dung công việc thực hiện và nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong việc thực thi nhiệm vụ giám sát;

Căn cứ thanh toán chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số được tính theo định mức thù lao đã được chủ sở hữu phê duyệt và số ngày công, số buổi thực tế tham gia làm việc của các thành viên.

5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả:

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số được chi hỗ trợ cho công tác phòng chống số đề, làm vé số giả cụ thể như sau:

a) Nguyên tắc chi:

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề, làm vé số giả;

- Phù hợp với khả năng tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số;
- Có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định pháp luật;
- Cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phân phối tiền hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân có thành tích một cách công khai tùy thuộc vào tính chất phức tạp của vụ án, số lượng người, đơn vị tham gia và thời gian điều tra vụ án;
- Căn cứ chi là các bản sao bản án của Tòa án nhân dân, quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt.

b) Mức chi và tổng mức chi:

- Đối với các vụ án đã đưa ra xét xử: mức chi tối đa là 20 triệu đồng/vụ án;
- Đối với các vụ xử phạt vi phạm hành chính: mức chi tối đa bằng 50% số tiền xử phạt vi phạm hành chính nhưng không vượt quá 05 triệu đồng/vụ án;
- Tổng mức chi tối đa trong năm tài chính không vượt quá:
 - + 1% tổng doanh thu bán vé có thuế của các doanh nghiệp kinh doanh xổ số đang hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc, miền Trung và kinh doanh loại hình sản phẩm xổ số tự chọn số điện toán;
 - + 0,1% tổng doanh thu bán vé có thuế của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đang hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam.

c) Căn cứ vào điều kiện thực tế và mức chi hỗ trợ cho từng vụ án theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều này, doanh nghiệp kinh doanh xổ số trình chủ sở hữu phê duyệt nội dung và mức chi hỗ trợ cụ thể đảm bảo các khoản chi đúng định mức.

6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng:

a) Loại hình sản phẩm và nguyên tắc trích lập:

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được phép trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật;
- Tại thời điểm trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số không bị lỗ.

b) Điều kiện được trích lập: Khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính. Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

c) Thời điểm trích lập: Doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính nếu đủ điều kiện trích lập theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều này;

d) Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:

$$DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$$

Trong đó:

DP_{tt} : Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.

DT : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập.

TL_{kh} : Tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số.

TT_{tt} : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

đ) Tỷ lệ tối đa trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được thực hiện như sau:

- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc, miền Trung và Công ty xổ số điện toán Việt Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;

- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;

- Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau;

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

7. Chi phí về vé xổ số:

a) Các khoản chi này bao gồm chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) hoặc chi đóng góp chi phí in vé xổ số chung theo quy định của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và cơ sở in;

b) Chi phí in tờ lựa chọn số dự thưởng, mua giấy in, mực in và chi phí khác liên quan đến vé xổ số tự chọn số điện toán theo giá thanh toán thực tế trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đơn vị cung cấp;

c) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xổ số tự in vé xổ số, chi phí in vé xổ số là các khoản chi hợp lý, hợp lệ thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí chung của doanh nghiệp.

8. Chi phí thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng: là các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý. Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định.

9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực:

a) Mức đóng góp đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số tối đa là 60 triệu đồng/năm/công ty/hội đồng (05 triệu đồng/tháng). Mức đóng góp này không bao gồm các chi phí trả thưởng, chi phí quay số mở thưởng, chi phí in vé xổ số của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực phát hành vé xổ số truyền thống theo cơ chế liên kết phát hành. Mức đóng góp cụ thể của từng doanh nghiệp kinh doanh xổ số do Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực quy định theo thỏa thuận của từng Hội đồng;

b) Các khoản chi phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ. Trường hợp do Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực quản lý chi tiêu, Hội đồng phải thống nhất thông qua định mức chi. Chủ tịch Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản chi. Hết năm tài chính phải quyết toán để công khai trong Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực. Sau khi quyết toán, nếu thừa thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo đúng các mục đích đã quy định.

10. Chi phí lễ tân, khánh tiết, tuyên truyền quảng cáo, môi giới, tiếp thị, chi phí khuyến mại được phép chi, chi phí giao dịch, chi phí hội nghị và các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tỷ lệ chi được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và được tính trên tỷ lệ phần trăm (%) của tổng chi phí trừ (-) chi phí trả thưởng.

Điều 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí và quản lý chi phí

1. Nguyên tắc ghi nhận chi phí:

a) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính;

b) Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

2. Nguyên tắc quản lý chi phí:

a) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Việc quản lý chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Chương IV

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH XỔ SỐ

Điều 12. Nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

1. Công ty xổ số kết thiết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Công ty xổ số điện toán Việt Nam có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Kê khai, quyết toán các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập doanh nghiệp tại trụ sở chính. Trên cơ sở số thuế phải nộp theo từng sắc thuế, Công ty xổ số điện toán Việt Nam thực hiện phân bổ các khoản thuế phải nộp vào ngân sách địa phương theo tỷ lệ doanh thu thực tế phát sinh trên từng địa bàn và lập giấy nộp tiền vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Khấu trừ, kê khai và quyết toán khoản thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại trụ sở chính. Công ty xổ số điện toán Việt Nam thực hiện phân bổ thuế thu nhập cá nhân phải nộp vào ngân sách địa phương và lập giấy nộp tiền vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật trên cơ sở các tiêu thức sau:

- Thuế thu nhập cá nhân đối với hoa hồng trả cho đại lý xổ số tự chọn số điện toán: thực hiện phân bổ theo doanh thu thực tế của đại lý xổ số tự chọn số điện toán phát sinh trên từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thuế thu nhập cá nhân đối với người trúng thưởng: thực hiện phân bổ theo tỉnh, thành phố nơi cá nhân đăng ký tham gia dự thưởng đối với phương thức phân phối thông qua phương tiện điện thoại hoặc internet và nơi phát hành vé xổ số tự chọn số điện toán đối với phương thức phân phối thông qua thiết bị đầu cuối.

c) Trường hợp khoản lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp nộp vào ngân sách địa phương theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 14 Thông tư này, Công ty xổ số điện toán Việt Nam thực hiện kê khai tại trụ sở chính, phân bổ vào ngân sách địa phương theo tỷ lệ doanh thu thực tế phát sinh trên từng địa bàn tỉnh, thành phố và lập giấy nộp tiền vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Cách xác định doanh thu thực tế phát sinh trên từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Công ty xổ số điện toán Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

đ) Việc hướng dẫn cụ thể về kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty xổ số điện toán Việt Nam quy

định tại điểm a, b, c và d khoản này được thực hiện quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý thuế và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 13. Xác định doanh thu thực tế phát sinh theo từng địa bàn kinh doanh của Công ty xổ số điện toán Việt Nam

1. Công ty xổ số điện toán Việt Nam có trách nhiệm theo dõi đầy đủ, chính xác doanh thu thực tế phát sinh tại địa bàn của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để làm cơ sở phân bổ nguồn thu ngân sách từ hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán theo quy định tại Thông tư này và các quy định có liên quan.

2. Việc xác định doanh thu thực tế từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm xổ số tự chọn số điện toán của Công ty xổ số điện toán Việt Nam tại địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện như sau:

a) Đối với phương thức phân phối vé xổ số tự chọn số điện toán thông qua thiết bị máy đầu cuối: doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán phát sinh từ các máy đầu cuối đăng ký bán vé xổ số tự chọn số điện toán trong địa giới hành chính từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo hợp đồng đại lý xổ số đã ký kết với Công ty xổ số điện toán Việt Nam hoặc các cửa hàng, điểm bán vé do Công ty xổ số điện toán Việt Nam thiết lập trên địa bàn;

b) Đối với phương thức phân phối vé xổ số tự chọn số điện toán thông qua điện thoại và internet: doanh thu được xác định theo địa điểm khách hàng đăng ký địa bàn tham gia dự thưởng khi mở tài khoản dự thưởng theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán.

Chương V

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

2. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

Đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;

Điều kiện và mức trích lập các quỹ nêu trên được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

3. Sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này, phần lợi nhuận còn lại do chủ sở hữu quyết định, cụ thể như sau:

a) Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số chưa được đầu tư đủ vốn điều lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phần lợi nhuận còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp để bổ sung đủ vốn điều lệ theo phương án do chủ sở hữu phê duyệt;

Riêng đối với các công ty xổ số kiến thiết do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) làm chủ sở hữu, sau khi thực hiện việc bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về việc thực hiện này.

b) Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn điều lệ:

- Đối với các công ty xổ số kiến thiết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ sở hữu: phần lợi nhuận còn lại được nộp vào ngân sách địa phương để phục vụ cho việc đầu tư xây dựng các công trình về giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội quan trọng khác tại địa phương;

- Đối với Công ty xổ số điện toán Việt Nam: phần lợi nhuận còn lại được phân bổ vào ngân sách địa phương để phục vụ cho việc đầu tư xây dựng các công trình về giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội quan trọng khác tại địa phương theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

4. Nghiêm cấm doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng lợi nhuận còn lại sau thuế để chi hoa hồng đại lý vượt quá mức tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

5. Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Điều 15. Mục đích sử dụng các quỹ

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán các quỹ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Riêng đối với quỹ khen thưởng, doanh nghiệp kinh doanh xổ số không được sử dụng để chi cho các đại lý xổ số đã được nhận phí hoa hồng đại lý theo quy định tại Thông tư này.

Chương VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO, CÔNG KHAI TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 16. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được chủ sở hữu phê duyệt, doanh nghiệp kinh doanh xổ số xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với định hướng của doanh nghiệp đã được chủ sở hữu quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, doanh nghiệp kinh doanh xổ số xây dựng kế hoạch kinh doanh trình Chủ tịch công ty quyết định, đối với doanh nghiệp chưa chuyển đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP trình Hội đồng thành viên quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp chưa chuyển đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP), Chủ tịch công ty quyết định, doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

4. Chủ sở hữu chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do doanh nghiệp kinh doanh xổ số lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát, đánh giá, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Điều 17. Kế toán, thống kê

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành, phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính.

2. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 18. Báo cáo tài chính và báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp chưa chuyển đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP), Chủ tịch công ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

2. Ngoài báo cáo tài chính được lập theo quy định của pháp luật nêu tại khoản 1 Điều này, định kỳ hàng quý, kết thúc năm, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải lập và gửi các báo cáo sau:

- a) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh (mẫu số 01/BCXS);
- b) Báo cáo tình hình tiêu thụ vé (mẫu số 02/BCXS);
- c) Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số (mẫu số 03/BCXS);
- d) Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý xổ số và chi ủy quyền trả thưởng của đại lý xổ số (mẫu số 04/BCXS);
- đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước (mẫu số 05/BCXS);
- e) Báo cáo tình hình doanh thu thực tế phát sinh theo từng địa bàn tỉnh, thành phố có phát hành xổ số tự chọn số điện toán và tình hình phân bổ, nộp ngân sách các tỉnh từ hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán của Công ty xổ số điện toán Việt Nam (mẫu số 06/BCXSĐT).

3. Thời hạn và nơi gửi báo cáo:

a) Các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này gửi cho chủ sở hữu và các cơ quan khác theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật kế toán chậm nhất là hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý và chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

b) Các báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này gửi chủ sở hữu và Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính) cùng với thời điểm gửi các báo cáo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này.

4. Trường hợp Bộ Tài chính có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

Điều 19. Kiểm toán, kiểm tra, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định của pháp luật. Chậm nhất là mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải gửi báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra cho chủ sở hữu và Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính).

3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan và doanh nghiệp kinh doanh xổ số

1. Bộ Tài chính:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu đối với Công ty xổ số điện toán Việt Nam theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật liên quan;

b) Phê duyệt định mức thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số của Công ty xổ số điện toán Việt Nam theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 10 Thông tư này;

c) Phê duyệt mức trích lập các quỹ và việc sử dụng phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của Công ty xổ số điện toán Việt Nam theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư này;

d) Xây dựng cơ chế quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu đối với các công ty xổ số kiến thiết do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật liên quan;

b) Phê duyệt định mức chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 10 Thông tư này;

c) Phê duyệt nội dung và mức chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm giả vé số theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này;

d) Phê duyệt mức trích lập các quỹ và việc sử dụng phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư này;

đ) Phê duyệt việc xử lý số dư quỹ dự phòng tài chính chưa sử dụng quy định tại Điều 21 Thông tư này;

e) Chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát toàn diện đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số trong việc chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định tại Thông tư này.

3. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số:

a) Tuân thủ chấp hành quy định về quản lý tài chính theo quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Thực hiện đánh giá và xếp loại doanh nghiệp hàng năm theo quy định của pháp luật;

- c) Thực hiện công khai thông tin tài chính theo quy định của pháp luật;
- d) Chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Xử lý số dư quỹ dự phòng tài chính

1. Số dư quỹ dự phòng tài chính chưa sử dụng tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực được xử lý như sau:

a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số chưa được đầu tư đủ vốn điều lệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền: bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ;

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn điều lệ thì: nộp vào ngân sách địa phương để sử dụng cho việc đầu tư xây dựng các công trình về giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội quan trọng khác của địa phương theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

2. Chủ sở hữu doanh nghiệp kinh doanh xổ số quyết định xử lý số dư quỹ dự phòng tài chính quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 112/2007/TT-BTC ngày 19/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty xổ số kiến thiết; Điều 2 Thông tư số 131/2009/TT-BTC ngày 29/6/2009 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 65/2007/TT-BTC ngày 18/6/2007 và Thông tư số 112/2007/TT-BTC.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, doanh nghiệp kinh doanh xổ số và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, có hướng dẫn cụ thể./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

CÔNG TY.....

Mẫu số: 01/BCXS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện trong kỳ	So cùng kỳ năm trước %	Lũy kế
1	2	3	4	5
A	DOANH THU			
I	Hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống			
1	Doanh thu xổ số truyền thống			
2	Doanh thu xổ số cao			
3	Doanh thu xổ số bốc			
4	Doanh thu xổ số Lô tô			
5	Doanh thu xổ số điện toán (Công ty XSĐT Thủ Đức)			
II	Hoạt động kinh doanh xổ số điện toán			
1	Xổ số tự chọn số theo ma trận			
2	Xổ số tự chọn số theo dãy số			
3	Xổ số tự chọn quay số nhanh			
4	Xổ số điện toán khác (theo QĐ của BTC)			
III	Hoạt động kinh doanh khác			
1	Doanh thu từ HĐKD khác			
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính			
3	Thu nhập khác			
B	CHI PHÍ			
I	Chi phí nghiệp vụ kinh doanh xổ số			
1	Chi phí trả thưởng			
1.1	Chi trả thưởng xổ số truyền thống			
1.1.1	Xổ số truyền thống			
1.1.2	Xổ số cao			
1.1.3	Xổ số bốc			
1.1.4	Xổ số Lô tô			
1.1.5	Xổ số điện toán (Công ty XSKT Thủ Đức)			
1.2	Chi trả thưởng xổ số điện toán			
1.2.1	Xổ số tự chọn số theo ma trận			
1.2.2	Xổ số tự chọn số theo dãy số			
1.2.3	Xổ số tự chọn quay số nhanh			
1.2.4	Xổ số điện toán khác (theo QĐ của BTC)			
2	Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng			
	Trong đó:			
2.1	Số đã trích			
2.2	Số sử dụng			
3	Chi hoa hồng đại lý			
4	Chi ủy quyền trả thưởng			
5	Chi phí khác			
II	Chi phí hoạt động kinh doanh khác			
C	THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN			
I	Các khoản phải nộp			
1	Thuế giá trị gia tăng			
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3	Thuế TNDN			
4	Các khoản thuế khác			
5	Nộp sau khi trích lập các quỹ			
6	Thuế thu hộ từ đại lý và người trúng thưởng			
II	Các khoản đã nộp			
1	Thuế giá trị gia tăng			
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3	Thuế TNDN			
4	Các khoản thuế khác			
5	Nộp sau khi trích lập các quỹ			
6	Thuế thu hộ từ đại lý và người trúng thưởng			
D	KẾT QUẢ KINH DOANH (LÃI/LỖ)			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 02/BCXS

CÔNG TY.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÉ*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Phát sinh trong kỳ			So với cùng kỳ năm trước (%)		
		Số lượng vé phát hành	Số lượng vé tiêu thụ	Tỷ lệ tiêu thụ	Số lượng vé phát hành	Số lượng vé tiêu thụ	Tỷ lệ tiêu thụ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8
1	Xổ số truyền thống						
	Mệnh giá...						
2	Xổ số cào						
	Mệnh giá...						
3	Xổ số bốc						
	Mệnh giá						
4	Xổ số Lô tô						
	Mệnh giá...						
5	Xổ số điện toán (Công ty XSKT Thủ Đức)						
	Mệnh giá...						
6	Xổ số tự chọn số điện toán (Công ty XSĐT Việt Nam)						
	Mệnh giá...						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 05/BCXS

CÔNG TY.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN
VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM...**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	
		Năm trước	Năm nay
I	Các chỉ tiêu		
1	Tổng lợi nhuận trước thuế		
2	Vốn chủ sở hữu bình quân (gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu mã số 411 + Quỹ đầu tư phát triển mã số 417 + nguồn vốn đầu tư XDCB mã số 421)		
3	Vốn huy động bình quân		
4	Chỉ tiêu tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		
	Năm trước (%)		
	Năm nay (%)		
5	Số phải nộp ngân sách phát sinh		
	Năm trước (%)		
	Năm nay (%)		
6	Quỹ lương thực hiện năm		
7	Thu nhập bình quân người/tháng		
	Chủ tịch công ty		
	Tổng giám đốc		
	Phó tổng giám đốc		
8	Tổng số lao động bình quân năm...		
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Thuế TNDN		
2	Trích Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng		
3	Quỹ đầu tư phát triển		
4	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành		
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
CHỦ TỊCH (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 06/BCXSĐT

BỘ TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH DOANH THU PHÁT SINH THEO TỪNG ĐỊA BÀN
VÀ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ NGUỒN THU NGÂN SÁCH CHO TỪNG ĐỊA PHƯƠNG**

Tháng... năm...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Địa bàn tỉnh, thành phố	Tổng doanh thu thực tế	Doanh thu thực tế theo địa bàn	Tỷ lệ doanh thu tiêu thụ trên địa bàn (4/5) *100%	Thuế GTGT	Thuế TTDB	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Khoản thu TC sau khi trích lập các quỹ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Tỉnh, thành phố...								
2	Tỉnh, thành phố...								

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
CHỦ TỊCH (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)